

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cẩm

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 1020/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Thanh T - Sinh năm: 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Đình B – Sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai-Nguyên đơn, chị Đinh Thị Thanh T trình bày:**

Chị T và anh Hà Đình B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định vào ngày 26 tháng 8 năm 2011. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Bảo N, sinh ngày: 11/9/2010.

Quá trình duy trì hôn nhân thì vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi chị T sinh cháu N thì anh B thường xuyên về quê ở tỉnh Nam Định có khi một tháng hoặc nửa tháng mới vào Đắk Lắk thăm vợ con một lần. Cho đến tháng 12/2011 sau khi khai sinh cho cháu N thì anh B không còn liên lạc với gia đình, cũng không về thăm vợ con và bỏ đi biệt tích cho đến nay không có tin tức gì. Bản thân chị T đã đi hỏi thăm và tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của anh B. Tháng 10/2016, chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết và tuyên bố mất tích đối với anh Hà Đình B. Sau khi thông báo nhấn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương, nhưng hết thời hạn 04 tháng vẫn không có tin tức gì của anh B. Tại Quyết định số 10/2017/QĐDS-ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã giải quyết và tuyên bố anh Hà Đình B mất tích. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Đình B.

Về con chung: Cháu Hà Bảo N từ lúc anh B bỏ đi đến nay vẫn do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, nguyện vọng của chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Hiện nay chị T làm kinh doanh thu nhập trung bình từ 4 triệu đến 5 triệu đồng/ tháng.

* Bị đơn - Anh Hà Đình B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; tại Quyết định số: 10/2017/QĐDS-ST ngày 17/4/2017 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết và tuyên bố mất tích đối với anh Hà Đình B. Do đó, không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng : Yêu cầu của nguyên đơn chị Đình Thị Thanh T là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đình Thị Thanh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt ; bị đơn anh Hà Đình B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Đinh Thị Thanh T và anh Hà Đình B chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định vào ngày 26 tháng 8 năm 2011. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị T và anh B chung sống với nhau tại Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi chị T sinh cháu N thì anh B thường xuyên về quê tại tỉnh Nam Định, thỉnh thoảng mới vào Đắk Lắk thăm vợ con một lần, việc đi về là không cố định thời gian, có khi 2 tuần hoặc 1 tháng mới vào thăm vợ con một lần. Cho đến tháng 12/2011 sau khi khai sinh cho cháu N thì anh B không còn liên lạc gì với gia đình, cũng không về thăm vợ con và bỏ đi biệt tích cho đến nay không có tin tức gì. Chị T đã đi hỏi thăm và tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của anh B hiện đang ở đâu. Chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tuyên bố anh B mất tích, tại Quyết định số: 10/2017/QĐDS-ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã giải quyết và tuyên bố mất tích đối với anh Hà Đình B. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Đình B.

Quá trình xác minh tại địa phương cung cấp: Vợ chồng chị T và anh B trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn; anh B đã bỏ đi biệt tích khỏi địa phương từ cuối năm 2014 cho đến nay không có tin tức gì nên không thể hòa giải cho vợ chồng chị T, anh B được. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy; Mục đích hôn nhân giữa vợ chồng chị Đinh Thị Thanh T và anh Hà Đình B không đạt được; tại Quyết định số: 10/2017/QĐDS-ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tuyên bố anh Hà Đình B mất tích nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh B của chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là cháu Hà Bảo N, sinh ngày: 11/9/2010. Hiện nay cháu N đang sống ổn định cùng chị T, nguyện vọng của cháu N cũng được sống cùng với mẹ nên để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của các cháu nên cần tiếp tục giao cháu N cho chị Đinh Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp theo quy định tại Điều 81; khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Thanh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Khoản 1, khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Thanh T và anh Hà Đình B.

2. Về con chung:

2.1. Giao 01 con chung cháu Hà Bảo N, sinh ngày: 11/9/2010 cho chị Đinh Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi)

2.2. Anh Hà Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hà Đình B có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Đương sự xác định không có tài sản chung và công nợ nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0008404 ngày 01 tháng 11 năm 2018.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B, tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Thị Trúc

